THUYẾT MINH TÓM TẮT:

I/ THOÁT NƯỚC THẢI:

1. CHỈ TIÊU VÀ LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI:

- TIÊU CHUẨN THOÁT NƯỚC THẢI: q = 2 (Lít/m2 sàn/ngày)
- LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI: Q = 390,6 (m^3/ngày)

2. GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC THẢI:

- HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT ĐƯỢC XỬ LÝ CỤC BỘ TRONG CÔNG TRÌNH BẰNG CÁC BỂ TỰ HOẠI, ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI CHUNG ĐẾN TRẠM XỬ LÝ THOÁT NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA DỰ ÁN, CÔNG SUẤT 391 M3/NGÀY ĐÊM. NƯỚC THẢI SAU KHI XỬ LÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN QCVN 14:2008/BTNMT- LOẠI A, SAU ĐÓ THOÁT RA TỰ NHIÊN THEO HỆ THỐNG HIỆN HỮU

II/ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN:

1. TIÊU CHUẨN VÀ KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN:

- TIÊU CHUẨN CHẤT THẢI RẮN: W = 0.3 (Tấn/ha/ngày)

2. GIẢI PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN:

-CÁC CÔNG TRÌNH PHẢI CÓ THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN THU GOM, TẬP TRUNG CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT PHÙ HỢP VỚI KHỐI LƯỢNG, CHỦNG LOẠI CHẤT THẢI VÀ ĐỦ KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN CHẤT THẢI ĐÃ ĐƯỢC PHÂN LOẠI TẠI NGUỒN TỪ CÁC CÔNG TRÌNH TRONG KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2019/NĐ-CP NGÀY 27/12/2019 VÀ NGHỊ ĐỊNH 38/2015/NĐ-CP NGÀY 24/4/2015). SAU ĐÓ, CHẤT THẢI RẮN ĐƯỢC THU GOM THEO GIỜ QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG NGÀY VÀ SẼ ĐƯỢC XE CHUYÊN DÙNG CHỞ ĐI XỬ LÝ.

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU THOÁT NƯỚC THẢI

Stt	Hạng mục	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô	Đơn vị	Nhu cầu	Đơn vị
1	Đất thương mại	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	45.526,3	m^2sàn	91,1	m^3/ngày đêm
2	Đất dịch vụ hỗ trợ (Hội nghị, Văn phòng, Khách sạn)	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	45.117,8	m^2sàn	90,2	m^3/ngày đêm
3	Đất dịch vụ phát triển nông nghiệp	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	14.895,8	m^2sàn	29,8	m^3/ngày đêm
4	Đất dịch vụ vận tải (Cây xăng, Sữa chữa, Bảo trì)	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	20.008,6	m^2sàn	40,0	m^3/ngày đêm
5	Đất dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	24.429,9	m^2sàn	48,9	m^3/ngày đêm
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	239,1	m^2	0,5	m^3/ngày đêm
7	Đất bãi đỗ xe	2	Lít/m^2sàn/ ngày đêm	249,4	m^2	0,5	m^3/ngày đêm
	Tổng nhu cầu nước thải					**300,4**	m^3/ngày đêm
	Tổng nhu cầu lớn nhất			**K=1,3**		**390,6**	m^3/ngày đêm

BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Stt	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Ống HPDE D300	1.242,9	m
2	Hố ga	45,0	Hố

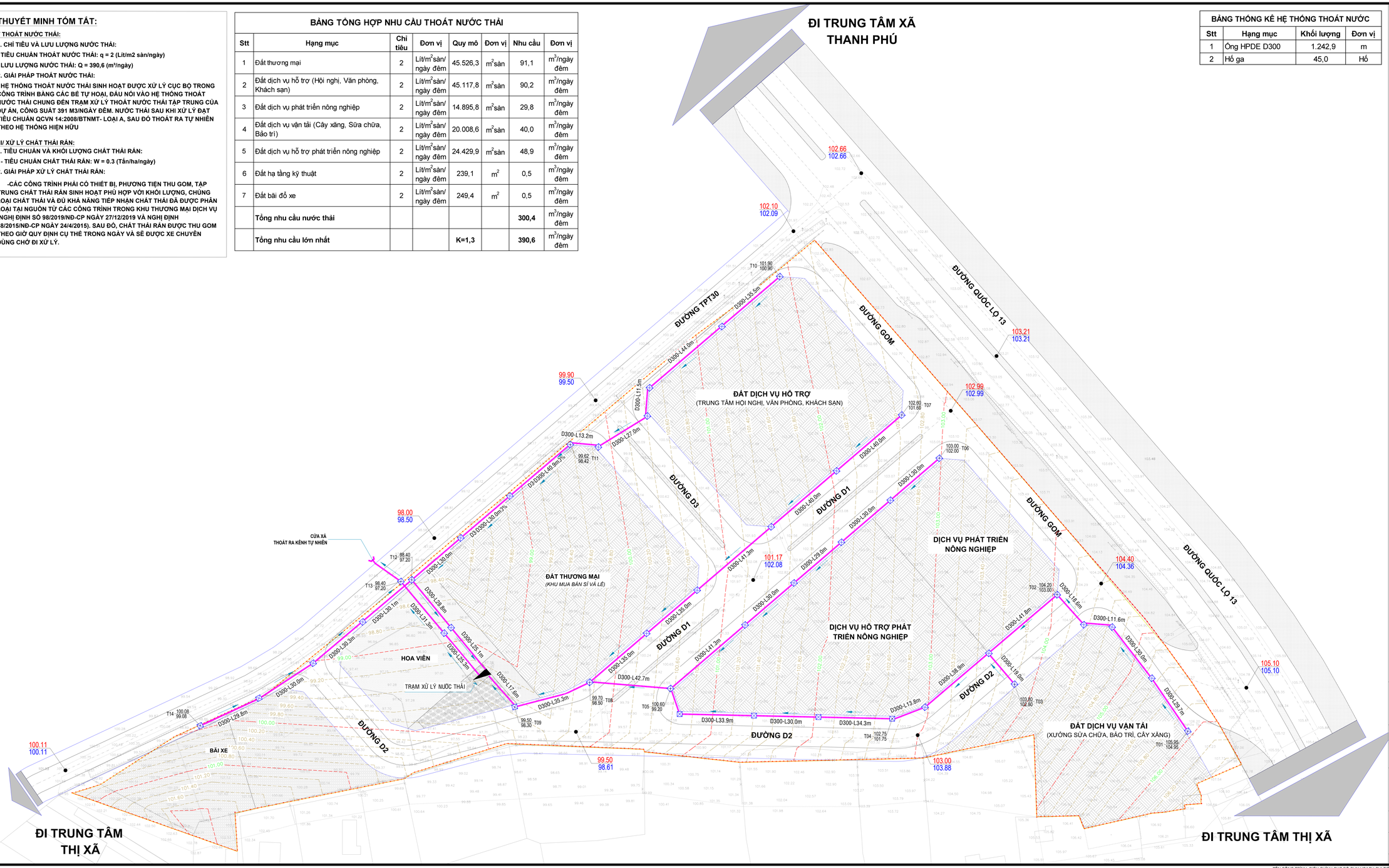

TỶ LỆ: 1/500

25m

0m 50m

KÝ HIỆU

- Hố ga thu nước thải
- Cống thoát nước thải
- D300-L209.74 — Chiều dài (m) - Đường kính cống (mm)
- 2.44 / 1.69 H01 — Cao độ đỉnh hố ga (m) / Cao độ đáy cống (m) — Tên hố ga

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

KÈM THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2024

CÔNG TRÌNH-ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÃ THANH PHÚ

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

KÝ HIỆU: QH-08	GHÉP: A0 NỐI DÀI	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: /2024